

**NGHỊ QUYẾT**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**  
**thực hiện Chương trình đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu**  
**phát triển công nghiệp và nông nghiệp tỉnh**

-----

**I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN****1. Tình hình**

Long An hiện nay có lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên 1.061.188 người; đang làm việc trong các loại hình kinh tế 1.009.840 người, chiếm tỷ lệ 59% (so với cả nước là 57,3%). Trong đó: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 38%; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33% và lĩnh vực thương mại, dịch vụ chiếm 29%. Công tác giáo dục và đào tạo có sự chuyển biến tích cực; cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học được đầu tư, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới đạt 50,5%, phổ cập giáo dục được triển khai thực hiện tốt. Công tác đào tạo nghề được quan tâm chỉ đạo và đầu tư, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp được mở rộng, quy mô đào tạo nghề không ngừng phát triển, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn tỉnh tăng từ 60,21% năm 2015 lên 71% năm 2020, cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước<sup>1</sup>. Năng suất lao động tăng, năm 2019 đạt 123,1 triệu đồng/người, so với cả nước là 110,5 triệu đồng/người. Với số lượng, chất lượng nguồn lao động từng bước đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và thị trường lao động của tỉnh.

Đề án công tác cán bộ của tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 đã tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác cán bộ. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được nâng lên rõ nét cả về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, năng lực công tác, trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước. Tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, trình độ chuyên môn, lý luận chính trị trong cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 tăng so với nhiệm kỳ trước và cao hơn mức bình quân cả nước<sup>2</sup>. Chỉ số thành phần trong cải cách hành chính về xây

<sup>1</sup> Trong đó, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp chiếm khoảng 71% (có bằng cấp, chứng chỉ khoảng 30%).

<sup>2</sup> Về cán bộ trẻ cấp cơ sở (dưới 35 tuổi) chiếm 13,97% so với cả nước là 11%; cấp trên cơ sở (dưới 40 tuổi) chiếm 16,84% so với cả nước là 14%; cấp tỉnh là 9,6% so với cả nước là 6%. Về cán bộ nữ: Cấp cơ sở là 23,47% so với cả nước là 21%; cấp trên cơ sở là 14,11% so với cả nước là 17%; cấp tỉnh là 9,6% so với cả nước là 16%. Về trình độ chuyên môn: Cấp cơ sở 89,36% đại

dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đạt 80,39% ở mức khá<sup>3</sup>. Cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị cơ bản ổn định, hợp lý, từng bước phù hợp vị trí việc làm và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị của tỉnh có trình độ sau đại học được nâng lên về số lượng và chất lượng<sup>4</sup>.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Chất lượng nguồn lao động chưa cao; năng suất lao động mặc dù tăng nhưng còn thấp so với yêu cầu; kỹ năng lao động theo hướng công nghiệp chưa cao; chỉ số đào tạo lao động trong thành phần chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giảm từ 6,3 điểm năm 2018 xuống còn 6,2 điểm năm 2019<sup>5</sup>; nguồn lao động có tay nghề cao còn ít.

- Việc phân luồng sau trung học phổ thông chưa đạt mục tiêu đề ra; công tác định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông chưa được quan tâm đúng mức.

- Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực chưa được chú trọng; công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn thụ động. Cơ cấu ngành, nghề đào tạo lao động chưa phù hợp cơ cấu ngành nghề sản xuất, kinh doanh; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao cho công nghiệp, nông nghiệp.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, còn thiếu cán bộ quản lý giỏi, chuyên gia. Tinh thần trách nhiệm, năng lực công tác, lễ lối làm việc, tính năng động, sáng tạo, phục vụ doanh nghiệp và nhân dân còn thấp, chưa ngang tầm; công tác đào tạo, bồi

---

học so với cả nước là 88%; cấp trên cơ sở, cấp tỉnh là 100% từ đại học trở lên so với cả nước là 99,7%, 100%. Về lý luận cao cấp chính trị: cấp cơ sở 27,84% so với cả nước là 24%; cấp trên cơ sở là 91,96% so với cả nước là 87%; cấp tỉnh 100%.

<sup>3</sup> Năm 2019, chỉ số thành phần (của Chỉ số cải cách hành chính) về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đạt 80,39%, thấp hơn Tiền Giang 81,6%, Đồng Tháp 92%, cao hơn Tây Ninh 68,48%, Thành phố Hồ Chí Minh 79,09%.

<sup>4</sup> Sau đại học 1.410, gồm: 05 tiến sĩ, 970 thạc sĩ, 401 chuyên khoa I, 34 chuyên khoa II (cấp tỉnh là 1.175; cấp huyện có 186; cán bộ cấp xã là 41, công chức cấp xã 08) có phụ lục kèm theo.

<sup>5</sup> Chỉ số đào tạo lao động gồm 10 chỉ tiêu, năm 2019, Long An có 7 chỉ tiêu giảm điểm gồm: tỷ lệ doanh nghiệp được sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm giảm 6% (từ 76% năm 2018 xuống còn 70% năm 2019); tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nhà cung cấp cho dịch vụ giới thiệu việc làm tăng 11% (từ 54% năm 2018 lên 65% năm 2019); tỷ lệ phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động tăng 1,21% (từ 3,22% năm 2018 lên 4,43% năm 2019); lao động tại tỉnh đáp ứng nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp giảm 4% (từ 93% năm 2018 xuống 89% năm 2019); tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng lực lượng lao động giảm 1% (từ 8% năm 2018 xuống 7% năm 2019); tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại doanh nghiệp giảm 12% (48% năm 2018 xuống 36% năm 2019).

dưỡng chưa gắn với lợi thế của tỉnh để phát triển công nghiệp, nông nghiệp. Tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ ở cấp tỉnh chưa đạt yêu cầu; khả năng làm việc trong môi trường quốc tế của cán bộ, công chức, viên chức còn thấp.

## **2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

- Sự thay đổi của khoa học và công nghệ diễn ra nhanh, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động đến cấu trúc việc làm; nguồn nhân lực qua đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp.

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa thật sự coi trọng và quan tâm đúng mức trong lãnh đạo, chỉ đạo đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương, doanh nghiệp trong đào tạo còn hạn chế.

- Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn thiếu các cơ sở đào tạo chất lượng cao, đào tạo chưa gắn trực tiếp với nhu cầu thị trường; dự báo thông tin, định hướng nhu cầu tuyển dụng lao động chưa được quan tâm. Chất lượng hoạt động các đơn vị sự nghiệp phục vụ công nghiệp, nông nghiệp chưa đáp ứng nhu cầu.

- Các cơ chế, chính sách thu hút, tạo môi trường làm việc ở các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh chưa đủ sức cạnh tranh và thu hút lao động chất lượng cao. Đào tạo sau đại học cho cán bộ, công chức, viên chức chưa sát với chuyên ngành còn thiếu và chưa gắn với trách nhiệm, yêu cầu phát triển của từng ngành, địa phương. Tinh thần tự học tập nâng cao năng lực, trình độ trong cán bộ, công chức, viên chức chưa cao.

## **3. Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực**

### **3.1. Nhu cầu nguồn nhân lực xã hội**

Dự báo số lao động làm việc đến năm 2025 khoảng 1 triệu người, tăng gần 50 nghìn người. Lao động tăng do mở rộng quy mô sản xuất, dịch vụ, trong đó có số lao động tăng thêm do các công trình sản xuất, dịch vụ mới được xây dựng và đưa vào sử dụng. Ngoài ra, do hiện nay tỉnh ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sử dụng công nghệ cao, điều này đặt ra nhu cầu cấp bách về nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

- Nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghiệp: Số lao động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng khoảng 400 nghìn người, chiếm tỷ lệ 38% trong tổng số lao động làm việc. Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 75% (có bằng cấp, chứng chỉ khoảng 35%). Tập trung vào các ngành nghề như: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, viễn thông; cơ kỹ

thuật; xây dựng; tự động hóa; công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm; công nghệ sản xuất, chế biến sợi, vải, da<sup>6</sup>...

- Nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp: Số lao động trong lĩnh vực nông nghiệp khoảng gần 320 nghìn người, chiếm tỷ lệ 30% trong tổng số lao động làm việc. Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 75% (có bằng cấp, chứng chỉ khoảng 35%). Tập trung vào các ngành nghề lĩnh vực chăn nuôi, thú y, trồng trọt, thủy sản ứng dụng công nghệ cao theo nhu cầu thị trường...

### **3.2. Nhu cầu nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh**

Đến 2025 dự kiến chỉ tiêu biên chế (theo định hướng của Trung ương tiếp tục giảm tối thiểu 10%), còn: 4.406 công chức; 23.697 viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (*chưa kể số viên chức trong đơn vị sự nghiệp tự chủ hoàn toàn là 4.410*).

- Số cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu, tinh giản biên chế giai đoạn 2021 - 2025 (chủ yếu là nghỉ hưu), dự kiến là: 500 cán bộ, công chức; 3.500 viên chức (*chưa kể trong đơn vị sự nghiệp tự chủ hoàn toàn là 800*).

- Dự báo nhu cầu tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị của tỉnh đến 2025 (*chưa tính yếu tố biến động do chuyển công tác*): là 300 công chức; 5.000 viên chức.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo về chất lượng, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, ngành nghề phù hợp và đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu kinh tế của tỉnh. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị có phẩm chất chính trị, trình độ, năng lực, có số lượng, cơ cấu hợp lý, phù hợp với vị trí việc làm, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

---

<sup>6</sup> Trong đó, nhu cầu lao động làm việc tại các khu công nghiệp đến năm 2025 tăng 40% khoảng 200 nghìn người, tập trung chủ yếu các ngành nghề: May mặc; dệt may; giày da và các phẩm có liên quan; sản xuất chế biến thực phẩm, đồ uống; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; in, sao chép bản ghi các loại; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); Sản xuất sản phẩm linh kiện điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác,..

## **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

(1). Về nguồn lao động gắn với phát triển công nghiệp và nông nghiệp: Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%. Định hướng ngành nghề đào tạo như sau:

- Lĩnh vực công nghiệp: Các ngành nghề đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp, định hướng các nghề thuộc lĩnh vực sản xuất, năng lượng, cơ khí, điện tử, viễn thông, tự động hóa, chế biến, quản lý đô thị.<sup>7</sup>

- Lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Định hướng ngành nghề đào tạo thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y, trồng trọt, thủy sản ứng dụng công nghệ cao đáp ứng yêu cầu thị trường.<sup>8</sup>

(2). Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị:

- Đào tạo, thu hút 20 tiến sĩ và 640 thạc sĩ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II<sup>9</sup>. Quan tâm đào tạo ít nhất 100 sinh viên tạo nguồn cán bộ cho ngành y tế.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm. Phần đầu tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ trong cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 trên 15%.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Tập trung triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, sự cần thiết phải đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh**

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, phổ biến chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và

---

<sup>7</sup> Các ngành nghề như: Sản xuất vật liệu mới, quản trị chất lượng, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, công nghệ kỹ thuật cơ khí; công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, viễn thông; cơ kỹ thuật; xây dựng; tự động hóa; công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm; công nghệ sản xuất, chế biến sợi, vải, da, ...

<sup>8</sup> Các ngành nghề như: Kỹ thuật trồng lúa theo Vietgap, kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò, kỹ thuật trồng rau an toàn, kỹ thuật trồng thanh long theo Vietgap, kỹ thuật trồng chanh, kỹ thuật nuôi tôm, kỹ thuật vận hành, sửa chữa máy nông nghiệp, kỹ thuật nhân giống cây trồng, công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản nông sản...

<sup>9</sup> Trong đó, ngành y tế đào tạo, thu hút 02 tiến sĩ, 28 thạc sĩ, 248 Chuyên khoa I và 22 Chuyên khoa II.

nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của Nghị quyết. Qua đó, có nhiều giải pháp cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết, thu hút ngày càng nhiều nguồn lực tích cực tham gia đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp của tỉnh.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thúc đẩy hoạt động đổi mới phương pháp, lối làm việc, năng động, sáng tạo trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là nêu cao trách nhiệm, vai trò gương mẫu của người đứng đầu theo hướng phục vụ doanh nghiệp, nhân dân.

## **2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, sự điều hành của chính quyền các cấp đối với việc phát triển nguồn nhân lực của tỉnh**

- Người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền tập trung quán triệt, triển khai, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết; chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện và nêu gương trong việc phát triển nguồn nhân lực tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia các nội dung trong Nghị quyết; tự giác nâng cao trình độ tay nghề, kỹ năng nghề nghiệp tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp của tỉnh. Vận động và tạo môi trường để đoàn viên, hội viên tham gia đào tạo nghề, tiếp cận với công nghệ, sản phẩm mới từ đó tạo nguồn lao động có chất lượng.

- Tập trung phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng hoạt động trong đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở. Chủ động phối hợp triển khai, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về cán bộ trẻ, cán bộ nữ.

## **3. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp của tỉnh**

- Quan tâm đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo theo hướng hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, trong đó ngành nghề đào tạo phải gắn với nhu cầu của doanh nghiệp; chú trọng nghề trọng điểm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch phát triển và quản lý nguồn nhân lực

phù hợp với định hướng thu hút đầu tư ưu tiên các ngành nghề có sử dụng công nghệ cao, tạo sự hợp lý giữa cung - cầu lao động đáp ứng cho thị trường lao động.

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; phân đầu xây dựng Trường Cao đẳng Long An thành Trường Cao đẳng chất lượng cao. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động việc dự báo về nhu cầu nhân lực, nhu cầu việc làm; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu về cung, cầu của thị trường lao động.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề lao động nông thôn, nhất là các ngành phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lao động ở các vùng nguyên liệu, lao động là thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã, trang trại tham gia liên kết sản xuất; nguồn quân nhân xuất ngũ. Quan tâm đào tạo cán bộ quản lý hợp tác xã; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp. Tập trung đào tạo, đào tạo lại một số ngành, nghề nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Thực hiện tốt Đề án đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tỉnh Long An, giai đoạn 2020 - 2025.

#### **4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị**

- Tập trung thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 76-KH/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII gắn với cụ thể hóa các chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ; tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đào tạo nguồn cán bộ trẻ của tỉnh.

- Tập trung đào tạo lý luận chính trị, quản lý nhà nước, bồi dưỡng nghiệp vụ lãnh đạo quản lý, cập nhật kiến thức, bồi dưỡng nghiệp vụ cấp ủy nhằm đảm bảo theo tiêu chuẩn chức danh gắn với vị trí việc làm. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ gắn với vị trí việc làm (*tập trung Tiếng Anh, Nhật, Trung, Hàn và Khmer*) cho cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm chính trị cấp huyện. Xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp của tỉnh.

- Đổi mới đào tạo sau đại học theo hướng phải phù hợp với vị trí việc làm, theo quy hoạch, nhu cầu bố trí sử dụng sau khi tốt nghiệp gắn chỉ tiêu đào tạo với trách nhiệm của từng ngành, địa phương; ưu tiên cho các ngành,

lĩnh vực phục vụ công nghiệp, nông nghiệp; khuyến khích cá nhân tự học tập nâng cao trình độ sau đại học phù hợp với vị trí việc làm.

### **5. Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp của tỉnh**

- Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp để phát hiện, thu hút nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp của tỉnh gắn với ngành nghề ưu tiên của tỉnh, trong đó cần chú trọng đến việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Các cơ chế khuyến khích nhằm thu hút các doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp; phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường liên kết đào tạo nghề nghiệp giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh với doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường đại học trong nước và ngoài nước trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, tay nghề cao phục vụ phát triển công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh.

- Xây dựng mạng lưới, phát huy hiệu quả chuyên gia khoa học công nghệ và có kế hoạch đào tạo chuyên gia năng suất chất lượng, chuyên gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp tỉnh.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung triển khai, quán triệt Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên để nâng cao nhận thức; cụ thể hóa Nghị quyết bằng đề án, kế hoạch gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương, đơn vị.

2. Đảng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hoá thành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và thường xuyên giám sát; ban hành cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện với các nhiệm vụ khả thi, phân công cụ thể cho từng cấp, từng ngành, địa phương với lộ trình, thời gian phù hợp. Thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình tập trung chỉ đạo, điều hành, thực hiện có hiệu quả. Định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả cho Tỉnh ủy; tham mưu việc sơ kết Nghị quyết vào năm 2023 và tổng kết vào năm 2025. Kịp thời khen thưởng, động viên những tập thể, cá nhân điển hình trong đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp của tỉnh.



4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh có kế hoạch hướng dẫn trong hệ thống làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức tự giác và vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên; đồng thời, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân để tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần thực hiện tốt Nghị quyết.

5. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi tình hình thực hiện; kịp thời báo cáo, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư,
- VPTW, các ban đảng TW (HN, T78),
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các Phó Chánh VPTU,
- Phòng Tổng hợp VPTU,
- Lưu VPTU.

T/M TỈNH ỦY  
BÍ THƯ



Nguyễn Văn Đước

